

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày: 06 - 4 - 2018

V/v Tranh chấp dân sự về ranh
giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
tòa: Ông Trần Thanh Sang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 554/2015/TLST-DS ngày 30 tháng 11
năm 2015. Về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất” theo
Thông báo xét xử số: 39/2018/TB-TA ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Bà Đỗ Thị T sinh năm 1966

Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1988

Ông Nguyễn Tuấn D sinh năm 1991

Người được ủy quyền: Bà Đỗ Thị T sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đặng
Hồng Đức – Văn phòng Luật sư Hồng Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Dương Văn T sinh năm: 1941

Dương Thanh H sinh năm: 1967

Dương Quốc P sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Phú, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Thị Thảo
– Văn phòng Luật sư Xuân Hương – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Dương Thị M sinh năm: 1942

Dương Thị T sinh năm: 1973

Dương Quốc H sinh năm: 1976

Trần Thị T sinh năm: 1971

Dương Thành N sinh năm: 1993

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Dương Hoàng P sinh năm: 1995 (chết năm 2017)

Huỳnh Tổ H sinh năm: 1971

Lê Ngọc G sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Bà Nhung, bà Thanh, bà Hên có mặt tại phiên tòa).

(Huỳnh Tổ Hồng, Lê Ngọc Giang có đơn xin vắng mặt).

(Luật sư Đặng Hồng Đức và Luật sư Võ Thị Thảo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện bà **Trần Thị N, trình bày**: Vào năm 1995, bà có mua đất của bà Huỳnh Thị M, chiều ngang đất là 17m, chiều dài 520m. Tứ cận đông giáp đường 1000, tây giáp đất bà Huỳnh Thị M, nam giáp đất ông Mai Văn Hai, bắc giáp đất ông Dương Văn T.

Năm 2003 bà được UBND huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 365, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích là 8.693m². Năm 2004 giữa bà Huỳnh Thị M và ông Dương Văn T xảy ra tranh chấp, đến ngày 18/6/2004 Tòa án huyện Tháp Mười có ban hành Quyết định: Số 50/2004/QĐST-DS giữa bà M và ông T và có xuống trụ đá thống nhất ranh. Từ mé bờ kênh 1.000 kéo thẳng vô tới cột mốc là 118.2m đất giữa ông Hai (chồng bà Nhung) và ông Tư giáp, chiều ngang đất giữa ông Hai đến cột mốc thứ 2 là 43.35m.

Đến năm 2010 thì ông Dương Văn T nhổ cột mốc ranh từ kênh 1000 về kênh 500, cứ mỗi năm vét bờ lần sang phần đất của bà, bà ngăn cản nhưng ông Tư vẫn vét bờ và nhiều lần yêu cầu ngăn ranh lại nhưng phía ông Tư không đồng ý, hiện trạng diện tích đất tôi đang sử dụng chỉ còn 8.211,8m² theo sơ đồ trích đo địa chính số 27-2016, ranh đất còn các cột mốc ký hiệu M4, M5, M6; diện tích đất tranh chấp ngang kênh 500 là 0,27m (vị trí từ chân bờ đê bên ông T

đo qua đất ông T là 0,27m bờ đê hiện nay là đất của tôi), ngang kênh 1000 là 1.05m (vị trí từ chân bờ đê bên ông T đo qua đất ông T là 1,05m bờ đê hiện nay là đất của tôi), dài 529,3m, ông T không có dãi bờ đê, nhưng mỗi vụ hộ ông T đào bờ đê khoảng 30cm. Nay yêu cầu hộ ông T trả lại diện tích lấn ranh diện tích khoảng 324,3m².

- Bà Đỗ Thị T , Nguyễn Văn P , Nguyễn Tuấn D , trình bày:

Nguồn gốc đất của mẹ chồng bà T cho năm 1993, sử dụng đến ngày 11/11/1993 ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001 chuyển nhượng cho bà G diện tích 6.500m², còn lại diện tích 7.942m².

Ngày 05/4/2008 ông N chết.

Tháng 5 năm 2008 bà T chuyển nhượng đất cho bà H diện tích 7.942m² (đã giao đất chưa làm thủ tục chuyển nhượng do đất tranh chấp).

Vị trí tứ cận như sau:

- + Phía đông bắc giáp đất Lê Thị G.
- + Phía tây nam giáp Nguyễn Văn K.
- + Phía tây bắc giáp đất Nguyễn Thị H.
- + Phía đông nam giáp đất Dương Thanh H.

Còn thời gian đất bị lấn chiếm năm nào không nhớ, nhưng thời gian gần đây ông P lấn sang phần đất chiều ngang giáp kênh Thủy lợi 1,45m, ngang giáp ranh đất của chúng tôi với ông Hồng 1,58m, chiều dài 219,46m; ông H lấn sang ngang 1,58m, chiều dài 26m.

Nay bà T, ông P, ông D yêu cầu:

Hộ ông P trả lại chiều ngang giáp kênh Thủy lợi 1,45m, ngang giáp đất bà T tranh chấp với ông H 1,58m, chiều dài 219,46m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông H trả lại chiều ngang 1,58m, chiều dài 26m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Dương Văn T , bà Dương Thị M , ông Dương Quốc P , ông Dương Thanh H , Dương Thị T , Dương Quốc H , T , N có bà H đại diện, ý kiến:

1. Phần diện tích ranh đất bà N tranh chấp với ông T :

Nguồn gốc đất gia đình ông T sử dụng do cha mẹ ông T là ông D Văn Đ , bà Nguyễn Thị T cho ông T sử dụng từ năm 1960 đến nay. Diện tích khoảng 13 công tầm cát, ngang khoảng 30 mét, dài từ kênh 500 đến kênh 1000.

Trước đây giữa đất ông T với bà M có bờ đê làm ranh chung mỗi bên ½ bờ đê. Sau đó, bà M chuyển nhượng cho bà N, ông H (chồng bà Nhung).

Năm 2004, Thi hành án có cấm trụ đá xác định ranh đất giữa gia đình ông T với ông H gồm 05 cọc đóng bằng trụ đá làm ranh chung. Cọc số 1 đóng ở Đầu kênh 500 (cách bờ ranh cũ 1m35) độ dài từ cọc số 1 đến cọc số 5 là 283m (Biên bản giải quyết thi hành án ngày 14/12/2004). Còn từ cọc số 5 về kênh

1000 thì không có cắm trụ đá nào mà vẫn sử dụng bờ ranh cũ chung đã có từ trước đến nay.

Sau khi đóng 05 trụ đá thì phía bà N đã thống nhất đắp bờ ranh từ cọc số 01 đến cọc số 05.

Sau đó, ông T cũng đắp bờ đê ranh bên phần đất của ông T từ cọc số 1 đến cọc số 5. Ranh giữa đất ông T và bà N từ năm 2004 đến nay có bờ đê dài từ kênh 500 đến cọc số 5. Từ cọc số 5 đến kênh 1000 thì hai bên vẫn sử dụng bờ đê cũ làm ranh chung, mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê. Hiện nay bờ đê ranh vẫn theo hiện trạng sử dụng từ trước đến nay. Tuy nhiên, trụ đá cọc số 1 đầu kênh 500 không còn, hiện chỉ còn 03 trụ đá M4, M5, M6.

Nay, ông T yêu cầu giữ nguyên bờ đê hiện trạng làm ranh chung giữa đất ông T và đất bà N, mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê, từ kênh 500 đến M6, M5, M4, từ M4 đầu kênh 1000.

2. Phần diện tích ranh đất bà T, ông P, ông D tranh chấp với hộ ông P :

Nguồn gốc đất của ông P là của ông T nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn S từ năm 1994 nhưng để cho con là Dương Thanh H đứng tên QSD đất. Đến năm 2008, thì ông H chuyển cho ông P đứng tên QSD đất diện tích 9.364m², thửa 1130, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Thực tế khi nhận chuyển nhượng thì giữa đất ông Sáu với đất bà T đã có bờ đê ranh dài từ kênh 500 đến đoạn giáp đất ông Dương Văn B. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông T vẫn tiếp tục sử dụng theo hiện trạng bờ đê ranh này cho đến nay mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê.

Hiện nay bờ đê ranh vẫn theo hiện trạng sử dụng từ trước đến nay. Hộ gia đình ông Phong, ông Tư không có lấn đất của hộ bà Thanh diện tích ngang kênh thủy lợi 1,45m, ngang giáp đất ông Hồng đứng tên là 1.58m, chiều dài 219,46m.

Yêu cầu giữ nguyên bờ đê hiện nay làm ranh chung với hộ bà T mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê ranh.

3. Phần diện tích ranh đất bà T, ông P, ông D tranh chấp với ông H :

Nguồn gốc đất của hộ ông H là của ông T nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn B khoảng năm 2000 nhưng để cho bà T đứng tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2009, bà T chuyển cho ông H đứng tên. Thực tế khi nhận chuyển nhượng thì giữa đất ông B với đất bà T đã có bờ đê ranh từ đoạn giáp đất ông T nhận chuyển nhượng của ông Sáu về đến kênh 1000. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông T vẫn tiếp tục sử dụng theo hiện trạng bờ đê ranh này cho đến nay.

Từ trước đến nay giữa đất ông H , ông T và bà T có bờ đê làm ranh chung mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê. Hiện nay bờ đê ranh vẫn theo hiện trạng sử dụng từ trước đến nay. Hộ gia đình ông H, ông T không có lần đất của gia đình bà Thanh diện tích ngang 1,58m, chiều dài 26m .

Yêu cầu giữ nguyên bờ đê hiện nay làm ranh chung với hộ bà T mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ đê ranh.

- Bà Huỳnh Tố H , ông Lê Ngọc G , ý kiến:

Không tranh chấp ranh đất với hộ ông P , hộ ông H g và không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ bà T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như được nghe lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N , chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà N và ông T về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự, Điều 170 của Luật đất đai bác yêu cầu của bà T , anh P , anh D .

Xét diện tích đất (L) hiện bà Trần Thị N tranh chấp với hộ ông Dương Văn T ngang giáp kênh 500 là 0,27m, ngang giáp kênh 1.000 là 1,05m, dài 529,3m, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa bà Trần Thị N rút đơn khởi kiện không yêu cầu giải quyết hộ ông Dương Văn T trả lại diện tích ngang giáp kênh 500 là 0,27m, ngang giáp kênh 1.000 là 1,05m, dài 529,3m.

Xét yêu cầu xin rút đơn của bà N là tự nguyện, phù hợp với pháp luật được chấp nhận. Áp dụng khoản 3 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xét.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng 9.960.000đồng. Tại phiên tòa bà Trần Thị N với ông Dương Văn T có bà H đại diện tự nguyện thỏa thuận như sau:

Bà Trần Thị N tự nguyện chịu 4.980.000đồng.

Ông Dương Văn T có bà H đại diện tự nguyện trả lại bà Trần Thị N 4.980.000đồng.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của 02 bên đương sự tại phiên tòa là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

Xét ranh đất giữa bà Đỗ Thị T , anh P , anh D tranh chấp với hộ ông P , ông H theo tài liệu có trong hồ sơ thì đất của hộ ông Nguyễn Văn N (bà Thanh)

có nguồn gốc của cha mẹ để lại; đất của hộ ông P có nguồn gốc của ông Tư nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn S vào năm 1994, nhưng để cho con là Dương Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 2008, ông H chuyển cho ông P đứng tên diện tích 9.364m², thửa 1130, tờ bản đồ số 1, liền với đất của Nam (chồng bà Thanh), thửa 350 và đất của hộ ông Hồng có nguồn gốc của ông Tư nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn Ba vào năm 2000 nhưng để cho bà Thủy đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 2009, bà Thủy chuyển cho ông Hồng đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 8.791m², thửa 349, tờ bản đồ số 1, gắn liền với đất của ông Nam (chồng bà Thanh), thửa 350.

Phần đất thửa 350 trước năm 1994 của hộ ông Nam (bà Thanh) sử dụng liền ranh đất với ông Dương Văn Sáu và phần còn lại thửa 350 trước năm 2000 của hộ ông Nam (bà Thanh) sử dụng liền ranh đất với ông Dương Văn Ba là 01 bờ đê, đất (L), tổng cộng chiều dài 532,95m, 02 bên sử dụng bờ đê chung, đến năm 1994 phần đất của ông Sáu chuyển nhượng lại cho ông Tư và phần đất của ông Ba vào năm 2000 chuyển lại cho ông Tư và 01 phần diện tích đất lúa của ông Nam (bà Thanh) giáp với ông Ba (đất ông Ba chuyển nhượng lại ông Tư) sử dụng đến năm 2001 thì ông Nam chuyển nhượng cho bà Lê Thị Gìn chiều dài bờ đê 287,49m; phần còn lại chiều dài 245,46m, trong đó hộ ông Phong cùng với ông Nam sử dụng bờ đê chung dài 219,46m và sử dụng chung bờ đê với hộ ông Hồng dài 26m. Các bên đã sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ đê chung làm ranh 02 bên, liên tục, ổn định và hiện nay vị trí bờ đê chung vẫn còn không thay đổi.

Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nam chồng bà Thanh có diện tích 7.942m², đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa 350, nhưng đo đạc thực tế chỉ có diện tích 5.733,4m², thiếu 2.208,6m², nguyên nhân thiếu diện tích do khi xác lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cấp cho ông Nam, cơ quan có thẩm quyền chỉ dựa vào đơn xin đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nam và xác nhận của chính quyền địa phương, nên khi cấp giấy, không có đo đạc, khảo sát thực tế, dẫn đến sai diện tích 2.208,6m².

Tại phiên tòa anh Phòng, anh Dũng có bà Thanh đại diện và bà Thanh yêu cầu hộ ông Dương Quốc Phong trả lại chiều ngang giáp kênh Thủy lợi 1,45m, ngang giáp ranh đất của bà Thanh với ông Hồng 1,58m, chiều dài 219,46m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350 và yêu cầu hộ ông Dương Thanh Hồng trả lại chiều ngang 1,58m, chiều dài 26m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Nhưng ông Phong, ông Hồng có bà Hén đại diện không thừa nhận có di dời bờ đê chung lấn chiếm đất của bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng nên không đồng ý trả.

Mặt khác, tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng cũng như anh Phòng, anh Dũng có bà Thanh đại diện và bà Thanh không đưa ra được chứng cứ, chứng minh ông Phong, ông Hồng có di dời bờ đê chung lấn chiếm diện tích đất như đã yêu cầu, nên không chấp nhận.

Về ranh chung:

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Phong và ông Hồng, cũng như ông Phong, ông Hồng có bà Hén đại diện yêu cầu giữ nguyên bờ đê

hiện trạng mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ đê, đất (L), giữa bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng với hộ ông Phong dài 219,46m và với hộ ông Hồng dài 26 mét làm ranh chung 02 bên, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

(có sơ đồ hiện trạng bờ đê, theo sơ đồ tranh chấp ngày 30/3/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười kèm theo) là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Trần Thị Nhung được nhận lại 485.500đồng (bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BM/2012 035747 ngày 23/11/2015 và biên lai thu số: BN/2013 02750 ngày 05/7/2016.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng yêu cầu hộ ông Phong phải trả diện tích 333,58m² và hộ ông Hồng trả diện tích 41,08m² nhưng không được chấp nhận nên phải nộp 1.030.000đồng (một triệu không trăm ba chục ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 892.000 đồng theo biên lai thu số: BM/2012 038871 ngày 22/12/2015 và biên lai thu số: BM/2012 038872 ngày 22/12/2015. Còn lại phải nộp tiếp số tiền 138.000đồng (một trăm ba mươi tám ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá bà Thanh nộp 9.142.000đồng (chín triệu một trăm bốn mươi hai ngàn) do yêu cầu không được chấp nhận, nên số tiền 9.142.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá bà Thanh phải chịu (đã nộp và chi xong).

Bà Huỳnh Tố Hồng, ông Lê Ngọc Giang không có tranh chấp ranh đất với hộ ông Phong, hộ ông Hồng và không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hộ bà Thanh, nên không đặt vấn đề xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự ; Điều 147, Điều 158, Điều 159, Điều 165, Điều 213, khoản 2 Điều 244, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích ngang giáp kênh 500 là 0,27m, ngang giáp kênh 1000 là 1.05m, dài 529,3m, tọa lạc: Xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp với hộ ông Dương Văn Tư.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Trần Thị N với ông Dương Văn T có bà Hên đại diện như sau:

Bà N tự nguyện chịu 4.980.000đồng (bốn triệu chín trăm tám chục ngàn).

Ông Dương Văn T có bà Hên đại diện tự nguyện trả lại bà Trần Thị N 4.980.000đồng (bốn triệu chín trăm tám chục ngàn).

Quyết định có hiệu lực thi hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Không chấp nhận yêu cầu của Đỗ Thị T, anh P, anh D yêu cầu hộ ông Dương Quốc P trả lại chiều ngang giáp kênh Thủy lợi 1,45m, ngang giáp đất bà Thanh tranh chấp với ông Hồng 1,58m, chiều dài 219,46m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350 và yêu cầu hộ ông Dương Thanh Hồng trả lại chiều ngang 1,58m, chiều dài 26m, đất (L), tờ bản đồ số 1, thửa số 350, tọa lạc Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 27-2016 ngày 30/3/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười kèm theo).

- Về ranh chung:

Giữ nguyên bờ đê hiện trạng mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ đê, đất (L), giữa bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng với hộ ông Phong dài 219,46m và với hộ ông Hồng dài 26 mét, làm ranh chung 02 bên, tọa lạc: Ấp Mỹ Phú, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

(có sơ đồ bờ đê, hiện trạng theo mảnh trích đo địa chính số 27-2016 ngày 30/3/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tháp Mười kèm theo).

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá 9.142.000đồng (chín triệu một trăm bốn mươi hai ngàn) bà Thanh chịu (đã nộp và chi xong).

- Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Nhung được nhận lại 485.000đồng (bốn trăm tám mươi lăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số: BM/2012 035747 ngày 23/11/2015 và biên lai BN/2013 02750 ngày 05/7/2016.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thanh, anh Phòng, anh Dũng phải nộp nộp 1.030.000đồng (một triệu không trăm ba chục ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 892.000 đồng theo biên lai thu số: BM/2012 038871 ngày 22/12/2015 và biên lai thu số: BM/2012 038872 ngày 22/12/2015. Còn lại phải nộp tiếp số tiền 138.000đồng (một trăm ba mươi tám ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Nhất).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tuấn

